

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 609A /QĐ-ĐHTT ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Tên chương trình : Chương trình đào tạo Cử nhân Quản lí Văn hóa
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Quản lí Văn hóa
Mã ngành : 7229042
Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Quản lí Văn hoá trình độ đại học có phẩm chất đạo đức tốt, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; có phong cách làm việc khoa học; có kiến thức và kĩ năng cơ bản về quản lí văn hóa; có năng lực quản lí, tổ chức, điều hành các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong khu vực Nhà nước và ngoài Nhà nước, đáp ứng nhu cầu xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học xong chương trình này, người học cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau:

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Người học tốt nghiệp Cử nhân ngành Quản lí Văn hóa phải đạt được các tiêu chuẩn như sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Hiểu kiến thức giáo dục đại cương, khoa học XH và nhân văn, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; hiểu kiến thức cơ bản về GD Thể chất, GD Quốc phòng - An ninh.
CDR 2	Hiểu kiến thức cơ bản về văn hóa nghệ thuật, văn hóa học, PP nghiên cứu KH ngành Quản lí Văn hóa, KH quản lí và quản lí văn hóa, quản lí Nhà nước về văn hóa; các thiết chế văn hóa, các tổ chức văn hóa nghệ thuật, đời sống văn hóa nghệ thuật ở cơ sở, công nghiệp văn hóa, marketing văn hóa nghệ thuật, thị trường dịch vụ văn hóa, phát triển văn hóa cộng đồng, công tác thông tin tuyên truyền cổ động, công tác sưu tầm, bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, các di sản văn hóa ở địa phương; quản lí, tổ chức, điều hành các hoạt động văn

	hóa nghệ thuật, lễ hội và sự kiện, chương trình nghệ thuật tổng hợp, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, văn nghệ - truyền thông; hiểu biết cơ bản về một số loại hình nghệ thuật và một số nhạc cụ để làm tốt công tác quản lý văn hóa.
CĐR 3	Hiểu kiến thức cơ bản của một trong ba chuyên ngành: Quản lý Nghệ thuật, Quản lý Mĩ thuật - Quảng cáo, Quản lý Hoạt động Âm nhạc.
CĐR 4	Có trình độ Tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin); có trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh chứng chỉ B trở lên.
Về kỹ năng	
<i>Kỹ năng cứng</i>	
CĐR 5	Giải thích và phổ biến được các văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý văn hóa; biết lập kế hoạch theo đúng quy trình để quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động của các thiết chế văn hóa và các tổ chức văn hóa nghệ thuật, đánh giá được các thiết chế văn hóa và các tổ chức văn hóa nghệ thuật theo tiêu chí, thực hiện đúng quy trình quản lý thị trường dịch vụ văn hóa; biết sưu tầm, bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, các di sản văn hóa ở địa phương theo đúng pháp luật; có kỹ năng tham gia nghiên cứu, đề xuất chính sách văn hóa.
CĐR 6	Biết tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền cổ động để góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống nhân dân; có kỹ năng tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa nghệ thuật ở cơ sở, phát triển văn hóa cộng đồng; biết thể hiện đúng một số bài hát, sử dụng được một số loại nhạc cụ, phối hợp dàn dựng được một chương trình nghệ thuật quần chúng, lập được kế hoạch tổ chức hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, văn nghệ - truyền thông.
CĐR 7	Có kỹ năng quản lý một trong ba chuyên ngành: Quản lý Nghệ thuật, Quản lý Mĩ thuật - Quảng cáo, Quản lý Hoạt động Âm nhạc.
<i>Kỹ năng mềm</i>	
CĐR 8	Biết phát hiện, phân tích, xử lý tình huống và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng những yêu cầu của xã hội và thực tiễn nghề nghiệp; biết soạn thảo đúng mẫu quy định một số loại văn bản có liên quan đến công tác quản lý văn hóa; biết ứng dụng linh hoạt công nghệ thông tin và tiếng Anh trong công tác quản lý văn hóa.
CĐR 9	Biết thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm; biết tự học, tự nghiên cứu và thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 10	Lập trường tư tưởng vững vàng, tư cách đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, yêu quê hương, đất nước, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, có ý thức

	trách nhiệm công dân, thái độ, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.
CĐR 11	Yêu nghề, say mê với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; có ý thức giữ gìn, bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, di sản văn hóa, tinh hoa văn hóa Việt Nam và nhân loại trong hoạt động quản lý văn hóa; có ý thức học hỏi, tìm tòi, phổ biến các giá trị văn hóa, nghệ thuật trong cộng đồng.
CĐR 12	Ý thức tổ chức kỉ luật tốt, tác phong làm việc khoa học, tự giác, chủ động, năng động, sáng tạo trong công việc.
Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	
CĐR 13	Làm việc tại cơ quan quản lý văn hóa trung ương, địa phương: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Trung tâm văn hóa, Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, Bảo tàng và quản lý hoạt động văn hóa tại các quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, xã, phường, thị trấn.
CĐR 14	Làm việc tại trường đại học, cao đẳng thuộc khối văn hóa - nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn; làm việc trong các công ty tổ chức sự kiện, truyền thông, du lịch hoặc đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; làm việc ở các cơ quan thuộc bộ, ngành có chức năng nghiên cứu, xây dựng chính sách văn hóa và quản lý hoạt động văn hóa nghệ thuật; các dự án phát triển kinh tế - xã hội, phát triển cộng đồng.
CĐR 15	Thành lập các công ty biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện hoặc làm việc tại các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật.
Khả năng phát triển và nâng cao trình độ	
CĐR 16	Tiếp tục học văn bằng hai các ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn hoặc học tiếp chương trình đào tạo sau đại học (Thạc sĩ) về Quản lý Văn hóa hay Văn hóa học.
CĐR 17	Tiếp tục quá trình tự học, tự nghiên cứu nhằm không ngừng cập nhật kiến thức và đổi mới, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và phát hiện, giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng những yêu cầu của xã hội.

3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp			Khả năng PT và NCT Đ				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm			C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9									
A. Kiến thức GD đại cương																			
I. Lí luận chính trị																			
LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2				1				2	1			1				1	1
LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lênin 2	2				1				2	1			1				1	1
LL2.1.003.2	TT Hồ Chí Minh	2				1				2	1			1				1	1
LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	2				1				2	1			1				1	1
VD2.1.104.2	Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2				1				2								1	1
II. Khoa học Xã hội – Nhân văn - Nghệ thuật																			
VD2.1.046.2	Văn hóa học ĐC	1	2					2		1				1				1	2
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1	2					1		1				1				1	1
XH2.1.060.2	Dân tộc học ĐC	2						1		1				1				1	1
LL2.1.010.2	Xã hội học ĐC	2						1		1				1				1	1
TL2.1.001.2	Tâm lí học ĐC	2						1		1				1				1	1
LL2.1.006.2	Mĩ học đại cương	2						1		1				1				1	1
XH2.1.001.2	T. Việt thực hành	2						1		1				1				1	1
VD2.1.102.2	PP nghiên cứu khoa học ngành Quản lí Văn hóa	1	2					1		1				1	2			1	2
III. Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2																			

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp			Khả năng PT và NCT Đ				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm			C Đ R 1 0	C Đ R 1 1	C Đ R 1 2	C Đ R 1 3	C Đ R 1 4	C Đ R 1 5	C Đ R 1 6	C Đ R 1 7
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9									
<i>ngoại ngữ)</i>																			
<i>III.1. Tiếng Anh</i>																			
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1				2					1			1		1	1	1	1	
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2				2					1			1		1	1	1	1	
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3				2					1			1		1	1	1	1	
NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4				2					1			1		1	1	1	1	
<i>III.2. Tiếng Trung</i>																			
NN2.1.005.3	Tiếng Trung 1				2					1			1	1	1	1	1	1	
NN2.1.006.2	Tiếng Trung 2				2					1			1	1	1	1	1	1	
NN2.1.007.2	Tiếng Trung 3				2					1			1	1	1	1	1	1	
NN2.1.008.3	Tiếng Trung 4				2					1			1	1	1	1	1	1	
IV. Tin học – Khoa học Tự nhiên – CN môi trường																			
TN2.1.501.2	Tin học đại cương				2					1	1		1	1	1	1	1	1	
V. Giáo dục thể chất																			
<i>V.1. Học phần bắt buộc</i>																			
TC2.1.001.2	GD Thể chất 1 (Bơi lội 1)	2								1			1	1	1	1	1		
<i>V.2. Học phần tự chọn 1 (Chọn 1 trong 8 học phần)</i>																			
TC2.1.002.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	2								1			1	1	1	1	1		
TC2.1.003.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2								1			1	1	1	1	1		
TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2								1			1	1	1	1	1		
TC2.1.005.3	GD Thể chất 2 (Cầu lông 1)	2								1			1	1	1	1	1		
TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	2								1			1	1	1	1	1		

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			Vị trí việc làm sau tốt nghiệp			Khả năng PT và NCT Đ	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm									
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17
TC2.1.007.3	GD Thẻ chất 2 (Điện kinh 1)	2								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.017.3	Giáo dục Thẻ chất 2 (Bóng rổ 1)	1								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.020.3	Giáo dục Thẻ chất 2 (Bơi lội 2)	1								1			1	1	1	1	1	
<i>V.3. Học phần tự chọn 2 (Chọn 1 trong 8 học phần)</i>																		
TC2.1.008.2	GD Thẻ chất 3 (Bóng đá 2)	2								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.009.2	GD Thẻ chất 3 (Bóng bàn 2)	2								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.010.2	GD Thẻ chất 3 (Bóng chuyền 2)	2								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.011.2	GD Thẻ chất 3 (Cầu lông 2)	2								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.012.2	GD Thẻ chất 3 (Võ thuật 2)	2								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.013.2	GD Thẻ chất 3 (Điện kinh 2)	2								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.018.2	Giáo dục Thẻ chất 3 (Bóng rổ 2)	1								1			1	1	1	1	1	
TC2.1.021.2	Giáo dục Thẻ chất 3 (Bơi lội 3)	1								1			1	1	1	1	1	
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh																		
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	2								1	1		1	1	1	1	1	
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2								1	1		1	1	1	1	1	
TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	2								1	1		1	1	1	1	1	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			Vị trí việc làm sau tốt nghiệp			Khả năng PT và NCT Đ		
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm										
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																			
I. Kiến thức cơ sở ngành																			
<i>I.1. Học phần bắt buộc</i>																			
VD2.1.0472	Nghệ thuật học đại cương		2					1	1					1		1	1	1	1
VD2.1.0482	Mỹ thuật học ĐC		2					1	1					1		1	1	1	1
VD2.1.0492	Âm nhạc học ĐC		2					1	1					1		1	1	1	1
VD2.1.0502	Múa đại cương		2					1	1					1		1	1	1	1
VD2.1.0512	Sân khấu học ĐC		2					1	1					1		1	1	1	1
VD2.1.1153	Khoa học quản lí và quản lí văn hóa		2					1	1	1	1			1		2	2	2	2
VD2.1.0532	Văn hóa dân gian Việt Nam		2					1	1	1				1		1	1	1	1
VD2.1.0542	Tín ngưỡng và tôn giáo ở VN		2					1	1	1				1		1	1	1	1
VD2.1.1163	Quản lí Nhà nước về văn hóa		2					2	1	1	1			1	1	2	2	2	2
VD2.1.0562	Văn hóa gia đình		2					1	1	1				1		1	1	1	1
<i>I.2. Học phần tự chọn (Chọn 1/3 học phần)</i>																			
TL2.1.0112	Kỹ năng giao tiếp		1					1	1	1		2			1	1	1	1	1
LL2.1.0402	Soạn thảo văn bản quản lí NN		1					1		1	2				1	1	1	1	1
XH2.1.0622	Hán Nôm cơ sở		1					1		1	1	1			1	1	1	1	1
II. Kiến thức ngành																			
VD2.1.0573	Chính sách VH	1	2					2	1	1			2		2	2	2	2	2
VD2.1.0582	Công nghiệp VH		2					2				1		1	1	2	2	2	2
VD2.1.0593	Quản lí nguồn nhân lực trong các		2					2	1	1			1	1	1	1	2	2	2

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ	Vị trí việc làm sau tốt nghệ			Khả năng PT và NCT Đ				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm			C Đ R 1 0	C Đ R 1 1	C Đ R 1 2	C Đ R 1 3	C Đ R 1 4	C Đ R 1 5	C Đ R 1 6	C Đ R 1 7
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9									
	tổ chức VHNT																		
VD2.1.060.2	Marketing văn hóa nghệ thuật		2			1	2	1		1		1	1	2	2	2	2	2	
VD2.1.061.3	Phát triển văn hóa cộng đồng		2			1	2	1		1		1	1	2	2	2	2	2	
VD2.1.062.4	Quản lí các thiết chế văn hóa		2			2	1	1		1	1	1	1	2	2	2	2	2	
VD2.1.063.3	Quản lí lễ hội và sự kiện		2			2	1	1		1	1	1	1	2	2	2	2	2	
VD2.1.064.4	Quản lí di sản văn hóa		2			2	1	1		1	1	1	1	2	2	2	2	2	
VD2.1.065.3	Công tác thông tin tuyên truyền cộng đồng		2			1	2	1		1	1	1	1	2	2	2	2	2	
VD2.1.066.3	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp		2			1	2	1	1	2		1	2	2	2	2	2	2	
III. Kiến thức chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 chuyên ngành)																			
III.1. Chuyên ngành Quản lí Nghệ thuật																			
KT2.1.078.2	Kinh tế học VH			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
VD2.1.067.3	QL dự án văn hóa nghệ thuật			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
VD2.1.068.3	GD nghệ thuật			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
VD2.1.069.3	NT thực hành – Thanh nhạc			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
VD2.1.070.3	Nghệ thuật thực hành – Nhạc cụ			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
VD2.1.071.2	ĐC về quan hệ công chúng			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp			Khả năng PT và NCT Đ				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm			C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9									
VD2.1.072.2	Gây quỹ và tìm tài trợ			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.073.2	Quản lý mỹ thuật			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
<i>III.2. Chuyên ngành Quản lý Mĩ thuật - Quảng cáo</i>																			
VD2.1.074.2	QT thương hiệu			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.075.3	Hình họa			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.076.3	Cơ sở tạo hình			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.103.3	Đồ họa vi tính			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.078.2	Quản trị quảng cáo			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.073.2	Quản lý mỹ thuật			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.079.3	Thiết kế quảng cáo			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
<i>III.3. Chuyên ngành Quản lý Hoạt động Âm nhạc</i>																			
VD2.1.080.2	Hình thức âm nhạc			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.081.2	Lí thuyết âm nhạc cơ bản			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.082.2	Kí - Xướng âm			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.083.2	Hòa âm			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.084.3	Phân tích tác phẩm âm nhạc			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.069.3	Nghệ thuật thực hành – Thanh nhạc			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.070.3	Nghệ thuật thực hành – Nhạc cụ			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1.085.3	Âm nhạc truyền thống Việt Nam			2				2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
IV. Thực tập																			

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp					Khả năng PT và NCT Đ		
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm			C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9									
VD2.1086.4	Thực tập 1	1	2		1	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
VD2.1087.4	Thực tập 2	1	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế KLTN																			
<i>V.1. Khóa luận tốt nghiệp</i>																			
VD2.1088.6	Khóa luận TN	1	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2
<i>V.2. Học phần thay thế KLTN</i>																			
VD2.1089.3	Văn hóa VN trong bối cảnh toàn cầu hóa		2			1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
VD2.1090.3	Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng		2			1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

4. Thời gian đào tạo: 04 năm (08 học kì)

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

- Kiến thức giáo dục đại cương: 40
- Kiến thức cơ sở ngành: 24
- Kiến thức ngành: 30
- Kiến thức chuyên ngành: 20
- Thực tập: 08
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06

6. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Tuyên Quang và các tỉnh, thành phố trên phạm vi toàn quốc, có đủ yêu cầu:

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- + Đảm bảo sức khỏe để học tập và công tác lâu dài.

- Phương thức tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các văn bản sau:

Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

8. Thang điểm

Thực hiện theo các văn bản sau:

Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

9. Nội dung chương trình

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
A. Kiến thức giáo dục đại cương			40					
I. Lí luận chính trị			12					
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	9		x	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	30	15		x	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9		x	
4	LL3.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		x	
5	VD2.1.104.2	Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	15	15		x	
II. Khoa học Xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật			16					
6	VD2.1.046.2	Văn hóa học đại cương	2	15	15		x	
7	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	15	15		x	
8	XH2.1.060.2	Dân tộc học đại cương	2	15	15		x	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
9	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	15	15		x	
10	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2	15	15		x	
11	LL2.1.006.2	Mĩ học đại cương	2	15	15		x	
12	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	15	15		x	
13	VD2.1.102.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Quản lí Văn hóa	2	15	15		x	
III. Ngoại ngữ (<i>Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ</i>)			10					
III.1. Tiếng Anh								
14	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	30	15		x	
15	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	15	15		x	
16	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	15	15		x	
17	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	3	30	15		x	
III.2. Tiếng Trung								
18	NN2.1.005.3	Tiếng Trung 1	3	30	15		x	
19	NN2.1.006.2	Tiếng Trung 2	2	15	15		x	
20	NN2.1.007.2	Tiếng Trung 3	2	15	15		x	
21	NN2.1.008.3	Tiếng Trung 4	3	20	25		x	
IV. Tin học			02					
22	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		x	
V. Giáo dục Thể chất			07					
V.1. Học phần bắt buộc			02					
23	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1 (Boi lội 1)	2	2		28	x	
V.2. Học phần tự chọn 1 (<i>Chọn 1 trong 8 học phần</i>)			03					
24	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4		41		x
25	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4		41		x
26	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	4		41		x
27	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3		42		x
28	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2		43		x

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
29	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	4		41		x
30	TC2.1.017.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	3		42		x
31	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Boi lội 2)	3	3		42		x
V.3. Học phần tự chọn 2 (Chọn 1 trong 6 học phần)			02					
32	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	2		28		x
33	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2	2		28		x
34	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2			30		x
35	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	2		28		x
36	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2		28		x
37	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2		28		x
38	TC2.1.018.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2			30		x
39	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Boi lội 3)	2			30		x
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh			08					
40	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	3	45			x	
41	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2	30			x	
42	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	3	17		28	x	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			88					
I. Kiến thức cơ sở ngành			24					
I.1. Học phần bắt buộc			22					
43	VD2.1.047.2	Nghệ thuật học đại cương	2	15	15		x	
44	VD2.1.048.2	Mĩ thuật học đại cương	2	15	15		x	
45	VD2.1.049.2	Âm nhạc học đại cương	2	15	15		x	
46	VD2.1.050.2	Múa đại cương	2	15	15		x	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lý thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
47	VD2.1.051.2	Sân khấu học đại cương	2	15	15		x	
48	VD2.1.115.3	Khoa học quản lí và quản lí văn hóa	3	30	15		x	
49	VD2.1.053.2	Văn hóa dân gian Việt Nam	2	15	15		x	
50	VD2.1.054.2	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2	15	15		x	
51	VD2.1.0116.3	Quản lí Nhà nước về văn hóa	3	30	15		x	
52	VD2.1.056.2	Văn hóa gia đình	2	15	15		x	
I.2. Học phần tự chọn (<i>Chọn 1/3 học phần</i>)			02					
53	TL2.1.011.2	Kĩ năng giao tiếp	2	20	10			x
54	LL2.1.040.2	Soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước	2	20	10			x
55	XH2.1.062.2	Hán Nôm cơ sở	2	20	10			x
II. Kiến thức ngành			30					
56	VD2.1.057.3	Chính sách văn hóa	3	30	15		x	
57	VD2.1.058.2	Công nghiệp văn hóa	2	15	15		x	
58	VD2.1.059.3	Quản lí nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật	3	15	30		x	
59	VD2.1.060.2	Marketing văn hóa nghệ thuật	2	15	15		x	
60	VD2.1.061.3	Phát triển văn hóa cộng đồng	3	15		30	x	
61	VD2.1.062.4	Quản lí các thiết chế văn hóa	4	30	15	15	x	
62	VD2.1.063.3	Quản lí lễ hội và sự kiện	3	15		30	x	
63	VD2.1.064.4	Quản lí di sản văn hóa	4	30		30	x	
64	VD2.1.065.3	Công tác thông tin tuyên truyền cổ động	3	15	15	15	x	
65	VD2.1.066.3	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	3	15	15	15	x	
III. Kiến thức chuyên ngành (<i>Chọn 1 trong 3 chuyên ngành</i>)			20					
III.1. Chuyên ngành Quản lí Nghệ thuật			20					
66	KT2.1.078.2	Kinh tế học văn hóa	2	25	5			x
67	VD2.1.067.3	Quản lí dự án văn hóa nghệ thuật	3	30		15		x
68	VD2.1.068.3	Giáo dục nghệ thuật	3	30		15		x
69	VD2.1.069.3	Nghệ thuật thực hành –	3	15	15	15		x

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
		Thanh nhạc						
70	VD2.1.070.3	Nghệ thuật thực hành – Nhạc cụ	3	15	15	15		x
71	VD2.1.071.2	Đại cương về quan hệ công chúng	2	15		15		x
72	VD2.1.072.2	Gây quỹ và tìm tài trợ	2	15		15		x
III.2. Chuyên ngành Quản lí Mĩ thuật - Quảng cáo			20					
73	VD2.1.074.2	Quản trị thương hiệu	2	15	15			x
74	VD2.1.075.3	Hình họa	3	15	15	15		x
75	VD2.1.076.3	Cơ sở tạo hình	3	15	15	15		x
76	VD2.1.103.3	Đồ họa vi tính	3	15	15	15		x
77	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	2	15	5	10		x
78	VD2.1.078.2	Quản trị quảng cáo	2	15	15			x
79	VD2.1.073.2	Quản lí mĩ thuật	2	15		15		x
80	VD2.1.079.3	Thiết kế quảng cáo	3	15	15	15		x
III.3. Chuyên ngành Quản lí Hoạt động Âm nhạc			20					
81	VD2.1.080.2	Hình thức âm nhạc	2	15	15			x
82	VD2.1.081.2	Lí thuyết âm nhạc cơ bản	2	15	15			x
83	VD2.1.082.2	Kí - Xướng âm	2	8	21			x
84	VD2.1.083.2	Hòa âm	2	11	19			x
85	VD2.1.084.3	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	18	27			x
86	VD2.1.069.3	Nghệ thuật thực hành – Thanh nhạc	3	15	15	15		x
87	VD2.1.070.3	Nghệ thuật thực hành – Nhạc cụ	3	15	15	15		x
88	VD2.1.085.3	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	3	15	15	15		x
IV. Thực tập			08					
89	VD2.1.086.4	Thực tập 1	4			60	x	
90	VD2.1.087.4	Thực tập 2	4			60	x	
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			06					
V.1. Khóa luận tốt nghiệp								

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lý thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
91	VD2.1.088.6	Khóa luận tốt nghiệp	6			90	x	
V.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp								
92	VD2.1.089.3	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	3	15	30		x	
93	VD2.1.090.3	Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng	3	15	30		x	
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)			128					

10. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
A. Kiến thức giáo dục đại cương				40										
I. Lí luận chính trị				12										
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1		2	2									
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	LL2.1.001.2	3		3								
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.002.3	2			2							
4	LL3.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LL2.1.003.2	3				3						
5	VD2.1.104.2	Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam		2				2						
II. KH Xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật				16										
6	VD2.1.046.2	Văn hóa học đại cương		2	2									
7	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2									
8	XH2.1.060.2	Dân tộc học đại cương		2	2									
9	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2	2									
10	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2		2								
11	VD2.1.102.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành		2		2								

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
		Quản lí Văn hóa											
12	LL2.1.006.2	Mĩ học đại cương		2		2							
13	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	LL2.1.002.3	2			2						
III. Ngoại ngữ (<i>Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ</i>)				10									
III.1. Tiếng Anh													
14	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3								
15	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	2		2							
16	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.2	2			2						
17	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	NN2.1.003.2	3				3					
III.2. Tiếng Trung													
18	NN2.1.005.3	Tiếng Trung 1		3	3								
19	NN2.1.006.2	Tiếng Trung 2	NN2.1.005.3	2		2							
20	NN2.1.007.2	Tiếng Trung 3	NN2.1.006.2	2			2						
21	NN2.1.008.3	Tiếng Trung 4	NN2.1.007.2	3				3					
IV. Tin học - KH tự nhiên - CNMT				02									
22	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2								
V. Giáo dục Thể chất				07									
V.1. Học phần bắt buộc													
23	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1)		2	2								
V.2. Học phần tự chọn 1 (<i>Chọn 1 trong 6 học phần</i>)													
24	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	TC2.1.001.2	3		3							
25	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	TC2.1.001.2	3		3							
26	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	TC2.1.001.2	3		3							
27	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	TC2.1.001.2	3		3							
28	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	TC2.1.001.2	3		3							
29	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	TC2.1.001.2	3		3							
30	TC2.1.017.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	TC2.1.001.2	3		3							

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
31	TC2.1.0203	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)	TC2.1.001.2	3		3							
V.3. Học phần tự chọn 2 (<i>Chọn 1 trong 6 học phần</i>)													
32	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	TC2.1.0023	2			2						
33	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	TC2.1.0033	2			2						
34	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	TC2.1.0043	2			2						
35	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	TC2.1.0053	2			2						
36	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	TC2.1.0063	2			2						
37	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	TC2.1.0073	2			2						
38	TC2.1.018.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	TC2.1.017.3	2			2						
39	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 2)	TC2.1.020.3	2			2						
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh				08									
40	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1		3		3							
41	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	TC2.1.014.3	2		2							
42	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	TC2.1.015.2	3		3							
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				88									
I. Kiến thức cơ sở ngành				24									
I.1. Học phần bắt buộc				22									
43	VD2.1.047.2	Nghệ thuật học đại cương		2	2								
44	VD2.1.048.2	Mĩ thuật học đại cương	VD2.1.047.2	2		2							
45	VD2.1.115.3	Khoa học quản lí và quản lí văn hóa		3		3							
46	VD2.1.053.2	Văn hóa dân gian Việt Nam		2		2							
47	VD2.1.049.2	Âm nhạc học đại	VD2.1.047.2	2			2						

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
		cương											
48	VD2.1.050.2	Múa đại cương	VD2.1.047.2	2			2						
49	VD2.1.051.2	Sân khấu học đại cương	VD2.1.047.2	2			2						
50	VD2.1.054.2	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam		2			2						
51	VD2.1.116.3	Quản lí Nhà nước về văn hóa	VD2.1.115.3	3			3						
52	VD2.1.056.2	Văn hóa gia đình	VD2.1.046.2	2			2						
I.2. Học phần tự chọn (<i>Chọn 1/3 học phần</i>)				02									
53	TL2.1.011.2	Kĩ năng giao tiếp		2			2						
54	LL2.1.040.2	Soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước	VD2.1.116.3	2			2						
55	XH2.1.062.2	Hán Nôm cơ sở		2			2						
II. Kiến thức ngành				30									
56	VD2.1.057.3	Chính sách văn hóa	VD2.1.052.3	3			3						
57	VD2.1.059.3	Quản lí nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	VD2.1.116.3	3			3						
58	VD2.1.058.2	Công nghiệp văn hóa		2				2					
59	VD2.1.060.2	Marketing văn hóa nghệ thuật		2				2					
60	VD2.1.061.3	Phát triển văn hóa cộng đồng		3				3					
61	VD2.1.062.4	Quản lí các thiết chế văn hóa	VD2.1.116.3	4				4					
62	VD2.1.063.3	Quản lí lễ hội và sự kiện	VD2.1.116.3	3				3					
63	VD2.1.064.4	Quản lí di sản văn hóa	VD2.1.116.3	4				4					
64	VD2.1.065.3	Công tác thông tin tuyên truyền cổ động		3						3			
65	VD2.1.066.3	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	VD2.1.051.2	3								3	
III. Kiến thức chuyên ngành (<i>Chọn 1/3 chuyên ngành</i>)				20									
III.1. Chuyên ngành Quản lí Nghệ thuật				20									
66	KT2.1.078.2	Kinh tế học văn hóa		2						2			

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
67	VD2.1.067.3	Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật	VD2.1.116.3	3							3		
68	VD2.1.068.3	Giáo dục nghệ thuật	VD2.1.047.2	3							3		
69	VD2.1.069.3	Nghệ thuật thực hành - Thanh nhạc	VD2.1.049.2	3								3	
70	VD2.1.070.3	Nghệ thuật thực hành - Nhạc cụ	VD2.1.049.2	3								3	
71	VD2.1.071.2	Đại cương về quan hệ công chúng		2								2	
72	VD2.1.072.2	Gây quỹ và tìm tài trợ	VD2.1.063.3	2								2	
73	VD2.1.073.2	Quản lý mỹ thuật	VD2.1.048.2 VD2.1.116.3	2								2	
III.2. Chuyên ngành Quản lý Mĩ thuật - Quảng cáo				20									
74	VD2.1.074.2	Quản trị thương hiệu	VD2.1.060.2	2							2		
75	VD2.1.075.3	Hình họa	VD2.1.048.2	3							3		
76	VD2.1.076.3	Cơ sở tạo hình	VD2.1.048.2	3							3		
77	VD2.1.103.3	Đồ họa vi tính	TN2.1.501.2	3								3	
78	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	VD2.1.048.2	2								2	
79	VD2.1.078.2	Quản trị quảng cáo	VD2.1.060.2	2								2	
80	VD2.1.073.2	Quản lý mỹ thuật	VD2.1.048.2 VD2.1.116.3	2								2	
81	VD2.1.079.3	Thiết kế quảng cáo	VD2.1.060.2 VD2.1.103.3	3								3	
III.3. Chuyên ngành Quản lý Hoạt động Âm nhạc				20									
82	VD2.1.080.2	Hình thức âm nhạc	VD2.1.049.2	2							2		
83	VD2.1.081.2	Lí thuyết âm nhạc cơ bản	VD2.1.049.2	2							2		
84	VD2.1.082.2	Kí - Xương âm	VD2.1.081.2	2							2		
85	VD2.1.083.2	Hòa âm	VD2.1.081.2	2							2		
86	VD2.1.084.3	Phân tích tác phẩm âm nhạc	VD2.1.080.2 VD2.1.081.2	3								3	
87	VD2.1.069.3	Nghệ thuật thực hành - Thanh nhạc	VD2.1.049.2	3								3	
88	VD2.1.070.3	Nghệ thuật thực hành - Nhạc cụ	VD2.1.049.2	3								3	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
89	VD2.1.085.3	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	VD2.1.049.2	3								3	
IV. Thực tập				8									
90	VD2.1.086.4	Thực tập 1	VD2.1.116.3	4						4			
91	VD2.1.087.4	Thực tập 2	VD2.1.086.4	4									4
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				6									
V.1. Khóa luận tốt nghiệp													
92	VD2.1.088.6	Khóa luận tốt nghiệp	VD2.1.087.6	6									6
V.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
93	VD2.1.089.3	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	VD2.1.087.6	3									3
94	VD2.1.090.3	Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng	VD2.1.087.6	3									3
Cộng (Không tính Giáo dục Thể chất; Giáo dục Quốc phòng – An ninh):				128	17	18	17	18	18	15	15	10	

11. Mô tả nội dung các học phần

11.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, những kiến thức cơ bản như: Chủ nghĩa Mác - Lênin là gì, đối tượng, mục đích, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học, những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

(Thực hiện theo Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

11.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

(Thực hiện theo Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, người học có những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

(Theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lí luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh).

11.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là một môn học trong hệ thống các môn Lí luận chính trị. Môn học này chủ yếu nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Đường lối đúng đắn là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kì đổi mới.

(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lí luận chính trị dùng cho người học các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh).

11.5. Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm và nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân, quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội trong từng thời kì, từng giai đoạn), vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn hóa, những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay, những khó khăn, tồn tại cần khắc phục, phương hướng cụ thể để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

11.6. Văn hóa học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa và Văn hóa học, sự hình thành và phát triển của văn hóa, các thành tố của văn hóa, đặc trưng và chức năng của văn hóa, vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội, giao lưu và tiếp biến văn hóa, sự hội nhập văn hóa trong thời đại hiện nay.

11.7. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển qua các giai đoạn lịch sử; biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể, xác định những đặc điểm của vùng văn hóa ở Việt Nam.

11.8. Dân tộc học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Dân tộc học; các tiêu chí, các loại hình tộc người, các dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam; quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam; mối quan hệ giữa Dân tộc học và Quản lý văn hóa.

11.9. Xã hội học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển ngành Xã hội học; đối tượng, chức năng của Xã hội học, phương pháp nghiên cứu Xã hội học; một số chuyên ngành xã hội học, sự hình thành và phát triển của con người và xã hội loài người; đặc điểm, tính chất của các hình thái tổ chức xã hội, mối quan hệ logic của các yếu tố kinh tế - xã hội - con người - ý thức xã hội - giáo dục.

11.10. Tâm lí học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lí học, những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lí, bản chất của sự hình thành tâm lí, ý thức của con người; giới thiệu các quy luật hoạt động của nhận thức đối với sự phát triển tâm lí, ý thức của nhân cách; người học hiểu được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách để nhận biết, rèn luyện và tự hoàn thiện, điều chỉnh các mối quan hệ giữa người với người, giữa các nhóm người, biết vận dụng các kiến thức cơ bản về tâm lí người vào hoạt động văn hóa một cách có hiệu quả, bước đầu hình thành cho người học kĩ năng nghiên cứu tâm lí con người.

11.11. Mĩ học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu của Mĩ học, mối quan hệ thẩm mĩ, chủ thể thẩm mĩ, khách thể thẩm mĩ, đời sống thẩm mĩ, khả năng đánh giá, cảm thụ, sáng tạo cái đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật.

11.12. Tiếng Việt thực hành: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: kĩ năng tạo lập văn bản; kĩ năng dựng đoạn văn, kĩ năng đặt câu, kĩ năng dùng từ, kĩ năng viết chữ đúng chuẩn tiếng Việt.

11.13. Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Quản lí Văn hóa: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: khái niệm nghiên cứu khoa học, phân loại nghiên cứu khoa học, sản phẩm nghiên cứu khoa học, lý thuyết khoa học, lựa chọn đề tài, đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, đặt tên đề tài, xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, trình bày luận điểm khoa học, tổ chức thực hiện đề tài... Qua đó, người học biết vận dụng vào nghiên cứu về quản lý văn hoá.

11.14. Tiếng Anh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Người học được trang bị kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống.

Người học được rèn luyện cách phát âm chính xác theo IPA; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh - nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ đầu A2.

11.15. Tiếng Anh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Người học được trang bị kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng tiếng Anh thông qua các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh đa dạng của cuộc sống.

Người học được rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh - nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ giữa A2.

11.16. Tiếng Anh 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2.

Người học được trang bị kiến thức về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng tiếng Anh thông qua chủ đề, chủ điểm về các khía cạnh khác nhau của đời sống văn hoá, xã hội.

Người học tích lũy khối lượng từ vựng, nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp, rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh - nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ cuối A2.

11.17. Tiếng Anh 4: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện và hình thành các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết như:

- Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu ngắn; có thể viết đoạn văn, thư mời hoặc trả lời email (khoảng 90 đến 110 từ) về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... mà người học quan tâm; có thể giao tiếp được về các chủ đề quen thuộc hàng ngày như: gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra hoặc xảy ra trong quá khứ.

- Kết nối đơn giản các nhóm từ để thuật lại một câu chuyện, sự kiện, mơ ước và hy vọng; có thể đưa ra lý do và giải thích về quan điểm, kế hoạch của mình; có thể kể lại câu chuyện đơn giản về một nhân vật nổi tiếng và bày tỏ suy nghĩ của mình.

11.18. Tiếng Trung 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ viết tiếng trung, kỹ năng giao tiếp thông thường bằng tiếng Trung, hiểu biết thêm về ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa Trung.

11.19. Tiếng Trung 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung 1.

Học phần tiếp tục trang bị cho người học những hiện tượng ngữ pháp căn bản trong tiếng Trung, giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hội thoại, đọc được những bài văn thông thường bằng tiếng Trung, kết hợp với các môn học khác hỗ trợ người học trong việc học chuyên ngành có liên quan đến tiếng Trung.

11.20. Tiếng Trung 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung 2.

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những hiện tượng ngữ pháp căn bản trong tiếng Trung, giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hội thoại, đọc được những bài văn thông thường bằng tiếng Trung, kết hợp với các môn học khác hỗ trợ người học trong việc học chuyên ngành có liên quan đến tiếng Trung.

11.21. Tiếng Trung 4: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung 3.

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những từ mới, tổ hợp từ và những hiện tượng ngữ pháp căn bản trong tiếng Trung Quốc; giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hội thoại, đọc được những bài văn thông thường; kết hợp với các môn học khác hỗ trợ người học trong việc học chuyên ngành có liên quan đến tiếng Trung Quốc.

11.22. Tin học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác truy cập internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử, khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

11.23. Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm môn bơi lội, sơ lược lịch sử bơi lội, tác dụng của môn bơi lội, kỹ thuật bơi ếch.

11.24. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá, đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng bóng đá đối với người tập luyện, một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người, một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.

11.25. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng bàn, cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng, kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật vụt nhanh thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật vụt nhanh trái, kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay.

11.26. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng chuyền; nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền; kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền.

11.27. Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn cầu lông; quá trình phát triển của môn cầu lông, nguyên lý kỹ thuật cầu lông, cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; kỹ thuật di chuyển; kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái), kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay, kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải, bên trái, kỹ thuật đập cầu thuận tay.

11.28. Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ Vovinam; kỹ thuật môn võ Vovinam.

11.29. Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về chạy cự li ngắn, chạy cự li trung bình, nhảy cao, nhảy xa.

11.30. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử, những nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; vận dụng được kiến thức vào thực hiện các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ.

11.31. Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bơi ếch, kỹ thuật bơi trườn sấp.

11.32. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người, một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.

11.33. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn, kỹ thuật vụt nhanh thuận tay, kỹ thuật vụt nhanh trái, kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật phát bóng.

11.34. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền, chiến thuật thi đấu môn bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền.

11.35. Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông; kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải (trái); kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu; kỹ thuật đập cầu; kỹ thuật đánh cầu gần lưới; chiến thuật thi đấu đơn; chiến thuật thi đấu đôi.

11.36. Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vovinam, kỹ thuật môn võ Vovinam.

11.37. Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa, các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa, một số điển luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa.

11.38. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về kỹ thuật môn bóng rổ, chiến thuật trong môn bóng rổ; thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ vào thi đấu.

11.39. Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2).

Học phần tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bơi trườn sấp; Nắm được các bài tập bổ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn và thực hiện được kỹ thuật bơi trườn sấp, áp dụng vào tập luyện.

11.40. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam.

11.41. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

11.42. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự, giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ, phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh, từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

11.43. Nghệ thuật học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, sự hình thành, phát triển và đặc trưng của các loại hình nghệ thuật, đặc biệt là kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, múa, kịch, điện ảnh, văn học; các thành tựu cơ bản của nghệ thuật phương Tây, phương Đông, nghệ thuật hiện đại, các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.

11.44. Mỹ thuật học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nghệ thuật học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức lí luận cơ bản và hệ thống về mỹ thuật: khái niệm, phân loại và đặc trưng các loại hình nghệ thuật như: kiến trúc, điêu khắc, hội họa, đồ họa và mỹ thuật ứng dụng.

11.45. Âm nhạc học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nghệ thuật học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về âm nhạc: khái niệm, lược trình phát triển, những trường phái của âm nhạc thế giới và Việt Nam, phân loại các vùng âm nhạc truyền thống Việt Nam.

11.46. Múa đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nghệ thuật học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa: khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành, các hình thái, đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa và các thể loại múa.

11.47. Sân khấu học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nghệ thuật học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật sân khấu: khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển, vị trí, vai trò, chức năng, đặc trưng, thể tài của nghệ thuật sân khấu.

11.48. Khoa học quản lí và quản lí văn hóa: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lí: các trường phái lí thuyết về quản lí trên thế giới và Việt Nam hiện nay, khái niệm quản lí, phân biệt khái niệm quản lí và quản trị, các chức năng cơ bản, các yếu tố bên trong và bên ngoài của tổ chức ảnh hưởng đến việc thực hiện các chức năng quản lí, giao tiếp trong quản lí, những kiến thức chung về quản lí văn hoá như khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu của hoạt động quản lí văn hoá, đối tượng quản lí, các công cụ và phương pháp quản lí văn hoá.

11.49. Văn hóa dân gian Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về văn hoá dân gian Việt Nam: khái niệm, đặc trưng, quá trình phát triển, hệ thống và các thành tố của văn hoá dân gian, các loại hình văn hoá dân gian, mối liên hệ giữa các loại hình văn hoá dân gian và sự tác động của nó tới cuộc sống xã hội.

11.50. Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam: khái niệm, một số tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Kitô giáo), vai trò của tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá.

11.51. Quản lí Nhà nước về văn hóa: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lí và quản lí văn hoá.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sự hình thành hệ thống pháp luật trong lĩnh vực văn hoá ở Việt Nam, một số văn bản pháp luật của Việt Nam và quốc tế liên quan đến quản lí hoạt động văn hoá, nghệ thuật, công tác thanh tra trong ngành văn hoá.

11.52. Văn hóa gia đình: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn hóa học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những vấn đề lí luận chung về gia đình: bản chất, nguồn gốc, chức năng, vai trò và ý nghĩa của gia đình trong đời sống của con người, lịch sử hình thành và các hình thái gia đình trong lịch sử; những nét cơ bản trong

văn hóa gia đình truyền thống Việt Nam, thực trạng và xu hướng biến đổi của gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực gia đình ở Việt Nam và những cơ sở pháp lý để thực hiện.

11.53. Kỹ năng giao tiếp: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp, ảnh hưởng ban đầu và các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp, một số nghi thức giao tiếp và kỹ năng giao tiếp tiêu biểu. Trên cơ sở đó, phát triển ở người học kỹ năng giao tiếp trong các loại hình giao tiếp thường gặp như: giao tiếp trực tiếp, giao tiếp qua điện thoại, giao tiếp qua thư tín, giao tiếp tại văn phòng...

11.54. Soạn thảo văn bản quản lý Nhà nước: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý Nhà nước về văn hóa.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm văn bản và văn bản quản lý Nhà nước, vai trò, phân loại văn bản quản lý Nhà nước, yêu cầu chung về kỹ thuật soạn thảo văn bản, quy trình xây dựng và ban hành văn bản, thực hành soạn thảo một số loại văn bản thông dụng.

11.55. Hán Nôm cơ sở: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản về chữ Hán (lịch sử hình thành, diễn biến và cấu tạo...), văn Nôm (văn bản, văn tự, ngôn ngữ...); tiến trình Hán văn Việt Nam, một số văn bản Hán văn (văn bản, đọc văn bản, phiên âm, dịch nghĩa, chú thích...). Qua đọc và minh giải, người học được cung cấp một số lượng ngữ liệu Hán Nôm nhất định; vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chữ Nôm trong nền văn hóa dân tộc.

11.56. Chính sách văn hóa: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lý và quản lý văn hoá.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm chính sách văn hoá, vai trò của chính sách văn hóa và cấu trúc cơ bản của chính sách văn hóa quốc gia, các mô hình chính sách văn hóa trên thế giới, phân tích các đặc điểm, ưu điểm, hạn chế và vấn đề thời sự của từng mô hình, quá trình phát triển và nội dung của chính sách văn hóa của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là trong thời kì đổi mới.

11.57. Công nghiệp văn hóa: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm các ngành công nghiệp văn hóa, quy trình sáng tạo và phân phối các sản phẩm văn hóa, đặc điểm và vai trò của các ngành công nghiệp văn hóa, bối cảnh và xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của một số nước, phân tích bản chất, đặc điểm và các vấn đề thời sự của một số ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam và thế giới.

11.58. Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý Nhà nước về văn hóa.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý nguồn nhân lực văn hoá: khái niệm, tầm quan trọng, những đặc điểm của nguồn nhân lực văn hoá nghệ thuật Việt Nam và phương pháp quản lý nguồn nhân lực này trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật.

11.59. Marketing văn hóa nghệ thuật: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm marketing, marketing văn hoá nghệ thuật, sự ra đời và phát triển của marketing và marketing văn hoá nghệ thuật, phân biệt và marketing văn hoá nghệ thuật và marketing thương mại, vai trò, mục đích, nguyên tắc của marketing văn hoá nghệ thuật, thị trường và nghiên cứu thị trường văn hoá nghệ thuật, quy trình lập kế hoạch marketing văn hoá nghệ thuật, công cụ marketing văn hoá nghệ thuật.

11.60. Phát triển văn hóa cộng đồng: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động văn hoá cộng đồng như: khái niệm, cơ cấu, đặc điểm của các tổ chức văn hoá cộng đồng tại Việt Nam, các hình thức, phương pháp xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động văn hoá cộng đồng.

11.61. Quản lý các thiết chế văn hóa: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý Nhà nước về văn hóa.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý các thiết chế văn hóa như khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ năng tác nghiệp và tổ chức, quản lý các thiết chế văn hóa: nhà văn hoá, các tổ chức nghệ thuật biểu diễn, bảo tàng, thư viện, khu vui chơi giải trí, đình, đền, chùa...

11.62. Quản lý lễ hội và sự kiện: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý Nhà nước về văn hóa.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý lễ hội và các sự kiện văn hoá như: khái niệm, phân loại, cấu trúc và quản lý Nhà nước về lễ hội và sự kiện, quy trình tổ chức lễ hội và sự kiện.

11.63. Quản lý di sản văn hóa: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý Nhà nước về văn hóa.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm và phân loại di sản văn hoá, phân vùng văn hoá, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý, đánh giá hoạt động khai thác di sản văn hóa phục vụ du lịch.

11.64. Công tác thông tin truyền truyền cổ động: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản như: khái niệm truyền thông đại chúng, sự phát triển của ngành truyền thông đại chúng, công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động ở cơ sở trong việc phổ biến, vận động nhân dân thực hiện tốt

đường lối, chủ chương chính sách của Đảng và Nhà nước thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phương pháp, kĩ năng thông tin, tuyên truyền, cổ động ở cơ sở.

11.65. Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Sân khấu học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chương trình nghệ thuật tổng hợp, kĩ năng cơ bản và phương pháp tổ chức, dàn dựng các tiết mục văn nghệ, các chương trình biểu diễn nghệ thuật tổng hợp.

11.66. Kinh tế học văn hóa: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của ngành văn hóa trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân; mối quan hệ giữa ngành văn hóa và các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân; các quan hệ, quy luật kinh tế trong các lĩnh vực sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng các sản phẩm văn hóa tinh thần, tổ chức quản lí các quá trình sản xuất văn hóa, nghệ thuật; thị trường văn hóa, nghệ thuật, chính sách kinh tế trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

11.67. Quản lí dự án văn hóa nghệ thuật: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lí Nhà nước về văn hóa.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng cơ bản về khái niệm dự án, dự án văn hóa nghệ thuật; các bước xây dựng dự án văn hóa nghệ thuật; cách lập kế hoạch dự án văn hóa nghệ thuật; quản lí và tổ chức thực hiện dự án văn hóa nghệ thuật.

11.68. Giáo dục nghệ thuật: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Nghệ thuật học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm giáo dục nghệ thuật, giáo dục về nghệ thuật và giáo dục thông qua nghệ thuật, chương trình giáo dục nghệ thuật, mục đích, vai trò của giáo dục nghệ thuật, các đối tượng giáo dục nghệ thuật, giáo dục nghệ thuật ở một số nước trên thế giới và Việt Nam, mục tiêu, cấu trúc của chương trình giáo dục nghệ thuật, quy trình xây dựng chương trình giáo dục nghệ thuật, giáo dục nghệ thuật trong một số lĩnh vực nghệ thuật, di sản văn hóa.

11.69. Nghệ thuật thực hành - Thanh nhạc: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng cơ bản về luyện thanh như: hơi thở, khẩu hình, vị trí âm thanh, hát chuyển giọng; luyện tập thống nhất vị trí âm thanh trên các âm khu của giọng, các tư thế khi hát, phương pháp ứng dụng các kĩ thuật thanh nhạc, thực hành học hát những bài hát có sắc thái khác nhau.

11.70. Nghệ thuật thực hành - Nhạc cụ: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng cơ bản về đàn phím điện tử, cách sử dụng đàn phím điện tử, một số kí hiệu nhạc thường dùng cho đàn phím điện tử, thị tấu các bài hát đơn giản; cách sử dụng đàn và thị tấu, đệm các bài hát đơn giản.

11.71. Đại cương về quan hệ công chúng: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quan hệ công chúng (PR): khái niệm, phân biệt PR với quảng cáo, tiếp thị, tuyên truyền, chức năng, vai trò của PR, lịch sử ra đời, phát triển của PR, đối tượng công chúng của PR, nguyên lý và phương pháp của PR, các loại hình, công cụ, hoạt động PR, quan hệ PR nội bộ, quan hệ PR cộng đồng, đạo đức nghề nghiệp PR, phẩm chất, năng lực, nhiệm vụ của nhân viên PR.

11.72. Gây quỹ và tìm tài trợ: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý lễ hội và sự kiện.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức, kỹ năng cơ bản về gây quỹ và thu hút tài trợ cho các tổ chức văn hoá nghệ thuật như: khái niệm, nguyên tắc gây quỹ, quy trình phát triển quỹ, điều hành và thực hiện chiến lược gây quỹ, các nguồn gây quỹ và tài trợ.

11.73. Quản lý mỹ thuật: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật học đại cương; Quản lý Nhà nước về văn hóa.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm gallery và bảo tàng mỹ thuật, vai trò của gallery và bảo tàng với sự phát triển mỹ thuật, lịch sử phát triển quản lý gallery và bảo tàng mỹ thuật, các nội dung và hình thức quản lý trong gallery và bảo tàng mỹ thuật, tầm quan trọng của quản lý trong hoạt động gallery và bảo tàng mỹ thuật, hoạt động của curator, quản lý gallery và bảo tàng mỹ thuật trong cơ cấu thị trường nghệ thuật, hoạt động gallery và bảo tàng mỹ thuật.

11.74. Quản trị thương hiệu: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Marketing văn hóa nghệ thuật

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thương hiệu: khái niệm thương hiệu, quy trình xây dựng thương hiệu, công cụ quảng bá thương hiệu, chức năng, vai trò của quản trị thương hiệu, nhiệm vụ của một quản trị viên thương hiệu, các hoạt động quản trị phát triển thương hiệu.

11.75. Hình họa: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, vai trò của hình họa, yêu cầu của một bài hình họa, các bước tiến hành một bài hình họa, phương pháp vẽ hình họa, khối cơ bản và vai trò của khối cơ bản, thực hành vẽ hình họa.

11.76. Cơ sở tạo hình: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nguyên lý thị giác; yêu cầu của bố cục; định luật của thị giác; hình - nền và đường viền; tương phản và chính phụ; cân giác; nguyên lý hàng lối, cân đối, tự do; không gian khối trên mặt phẳng; thực hiện bài tập tạo hình tổng hợp và phân tích bài tập tạo hình.

11.77. Đồ họa vi tính: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về khái niệm đồ họa máy tính, các lĩnh vực ứng dụng của đồ họa máy tính, các giải thuật vẽ hình, tô màu, cắt hình, kỹ thuật texture hình ảnh, kỹ thuật dựng hình, phối cảnh, kỹ thuật về chiếu sáng..., các phép biến đổi trong đồ họa 2D và 3D, sử dụng OpenGL xây dựng một số ứng dụng đồ họa.

11.78. Nhiếp ảnh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử nhiếp ảnh, máy ảnh truyền thống và máy ảnh kỹ thuật số, các tính năng kỹ thuật cơ bản của máy ảnh số, cách xử lý ánh sáng và bố cục, các thể loại ảnh, cách sử dụng phần mềm photoshop để xử lý hình ảnh và truyền ảnh qua internet.

11.79. Quản trị quảng cáo: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Marketing văn hóa nghệ thuật

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm, vai trò, chức năng của quảng cáo, các hình thức và phương tiện quảng cáo, hành vi khách hàng và sự tác động của quảng cáo đối với hành vi khách hàng, cách thức thực hiện và quản trị chiến lược quảng cáo.

11.80. Thiết kế quảng cáo: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật học đại cương; Đồ họa vi tính.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về lĩnh vực mĩ thuật thiết kế quảng cáo, khả năng tư duy sáng tạo về nghệ thuật, năng lực ứng dụng mĩ thuật trong cơ quan văn hóa Nhà nước và doanh nghiệp sản xuất.

11.81. Hình thức âm nhạc: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm hình thức âm nhạc, những phương pháp diễn tả của âm nhạc, chức năng từng phần, sự phân chia trong hình thức âm nhạc.

11.82. Lí thuyết âm nhạc cơ bản: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về âm thanh và các kí hiệu cơ bản, tiết tấu và tiết nhịp, quãng, điệu thức, gam, giọng, xác định giọng, chuyển giọng, dịch giọng, thang âm, điệu thức dân gian, hợp âm, giai điệu, một số vấn đề lí thuyết âm nhạc đương đại.

11.83. Kí - xướng âm: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lí thuyết âm nhạc cơ bản

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kí âm và xướng âm, biết nghe âm thanh và ghi lại bằng những kí hiệu âm nhạc, biết đọc những kí hiệu âm

nhạc đúng ca độ, trường độ, người học có kĩ năng đọc, nghe và ghi nhạc các bài thực hành ở các giọng trưởng, thứ không có dấu hóa và có dấu hóa.

11.84. Hòa âm: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lí thuyết âm nhạc cơ bản.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu trúc điệu thức và vai trò của hệ thống công năng, tính ổn định và không ổn định trong điệu thức, màu sắc và vai trò của hệ thống biến âm, âm nền, các lí thuyết về chuyển điệu: chuyển điệu công năng, chuyển điệu đẳng âm, chuyển điệu bất ngờ, chuyển điệu bằng giai điệu, nhảy điệu, chuyển thể và hệ thống trường thứ liên hợp.

11.85. Phân tích tác phẩm âm nhạc: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Hình thức âm nhạc; Lí thuyết âm nhạc cơ bản.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hình thức âm nhạc; những đặc điểm về thể loại, cấu trúc, phong cách sáng tác của từng thời kì và một số tác giả điển hình, những nguyên tắc chung trong phương pháp phân tích tác phẩm âm nhạc, những đặc điểm cơ bản phân biệt hình thức, thể loại và cách xây dựng chủ đề, xác định chức năng từng phần trong cấu trúc âm nhạc ở thời kì Baroque, Cổ điển, Lãng mạn, sau Lãng mạn, âm nhạc thế kỉ XX.

11.86. Âm nhạc truyền thống Việt Nam: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về âm nhạc dân gian, âm nhạc truyền thống Việt Nam: tổng quan về âm nhạc người Việt, một số thể loại dân ca tiêu biểu, âm nhạc sân khấu dân gian, một số thể loại ca nhạc cổ truyền, những nét khái quát về âm nhạc của một số dân tộc thiểu số Việt Nam ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam, tổng quan về nhạc khí và hệ nhạc cụ dân tộc Việt Nam (nguyên tắc phân loại nhạc cụ, giới thiệu một số nhạc cụ tiêu biểu và phương thức tổ chức dàn nhạc trong âm nhạc dân gian, âm nhạc cung đình).

11.87. Thực tập 1: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lí Nhà nước về văn hóa.

Học phần giúp người học củng cố và khắc sâu kiến thức ngành đã được học, người học tìm hiểu tình hình thực tiễn, trải nghiệm và bước đầu biết vận dụng tổng hợp kiến thức ngành đã học vào thực tế công việc có liên quan đến nghề nghiệp, hoàn thành đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của đợt thực tập cả về mặt chuyên môn, kỉ luật lao động và ý thức trách nhiệm.

11.88. Thực tập 2: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1.

Người học tiếp tục được củng cố và khắc sâu kiến thức ngành và chuyên ngành đã được học, người học tìm hiểu tình hình thực tiễn, trải nghiệm, biết vận dụng tổng hợp kiến thức ngành và chuyên ngành đã học vào thực tế nghề nghiệp, trực tiếp tác nghiệp các nội dung nghiệp vụ theo yêu cầu của giảng viên và người hướng dẫn tại cơ sở thực tập, hoàn

thành đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của đợt thực tập cả về mặt chuyên môn, kỉ luật lao động và ý thức trách nhiệm.

11.89. Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 2.

Người học hiểu và biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào nghiên cứu một hay một số vấn đề lí thuyết hoặc thực tiễn của ngành Quản lí Văn hóa: nghiên cứu cơ sở lí luận, khảo sát, thu thập thông tin về vấn đề nghiên cứu, vận dụng các phương pháp nghiên cứu và kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động quản lí văn hóa để tìm hiểu, phân tích, rút ra những kết luận, bước đầu đề xuất các giải pháp, định hướng để giải quyết hoặc hoàn thiện vấn đề nghiên cứu.

(Người học thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo kế hoạch của nhà trường.)

11.90. Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 2.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, bản chất của toàn cầu hóa và toàn cầu hóa văn hóa, vấn đề quốc tế hóa văn hóa và tính tất yếu của hội nhập văn hóa hiện nay, các xu thế toàn cầu hóa văn hóa, văn hóa Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa văn hóa và tác động của toàn cầu hóa văn hóa đối với văn hóa Việt Nam, những nguyên tắc trong giao lưu, hội nhập văn hóa và vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa ở Việt Nam hiện nay.

11.91. Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 2.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm truyền thông đại chúng, văn hóa đại chúng và văn hóa truyền thông đại chúng, đặc điểm, phương tiện của truyền thông đại chúng, vai trò của truyền thông đại chúng đối với đời sống văn hóa xã hội, quá trình hình thành văn hóa đại chúng, đặc điểm, chức năng, vai trò của văn hóa đại chúng đối với đời sống văn hóa xã hội, truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng ở Việt Nam.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Quy định chung

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục Đại học, các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo, Quy chế, kèm theo các Quyết định có hiệu lực của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lí đối với cán bộ, giảng viên.

- Chương trình đào tạo được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, bám sát các căn cứ đảm bảo tính pháp lí và tuân thủ theo quy định chương trình khung của Bộ Giáo dục và đào tạo và xây dựng theo hướng tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, nâng cao các năng lực thực hành và rèn luyện các kĩ năng nghề nghiệp cho người học để người học sau khi ra trường có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các đơn vị chuyên môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt. Nếu có những nội dung cần thay đổi, phải có ý kiến đề xuất và được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các khoa, trung tâm, tổ bộ môn xây dựng đầy đủ, đảm bảo chất lượng hệ thống đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để tạo điều kiện cho tất cả các môn học tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động của người học, đặc biệt là hướng dẫn người học tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học.

- Về phương pháp dạy học, ngoài việc sử dụng những phương pháp phổ biến thuộc nhóm dạy học dùng ngôn ngữ như phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại và nêu vấn đề..., cần đặc biệt chú ý nhóm các phương pháp trình bày trực quan, thực hành, phối hợp các phương pháp dạy học đặc thù của ngành học, phù hợp với mục đích, nội dung và điều kiện dạy học, tổ chức việc dạy và học theo định hướng phát huy tính chủ động, tích cực, tự lực, sáng tạo, khả năng cộng tác, làm việc nhóm của người học thông qua các nhiệm vụ học tập. Đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo lý thuyết và thực hành, thực tế. Thông qua hoạt động thực hành, thực tế hình thành cho người học những kỹ năng cơ bản thuộc ngành đào tạo, rèn luyện tác phong lao động nghề nghiệp cho người học. Tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm. Hướng dẫn người học làm quen với việc giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi chuyên môn, một số vấn đề phức hợp trong mối liên hệ với các lĩnh vực liên quan.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được lãnh đạo Trường duyệt trước khi thực hiện.

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ; thời gian thực học của mỗi học kỳ là 18 tuần (trong đó có 3 tuần ôn và thi kết thúc học phần). Trong từng năm học, có thể tổ chức học thêm học kỳ phụ (trong kỳ nghỉ hè).

- Cuối khóa, người học làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học hai học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và thi kết thúc hai học phần đó.

12.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

Kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ chủ quản và quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

12.3. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ chủ quản và Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

PGS.TS. Nguyễn Bá Đức